TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 693/2021/DSST
Ngày: 14-5-2021
V/v "Tranh chấp thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bích Vân

Ông Trần Ngọc Thực.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bả Nguyễn Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 755/DSST ngày 06/11/2007 về việc "Tranh chấp thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1630/QĐXXST-DS ngày 14/4/2021, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Cao Thị Mỹ D, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: 54 H H T , Phường 7, Quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: Thôn 1a, E W, E H'l, Đ L. (có mặt)

2/ Ông Võ Minh T, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: Ấp R C, xã L H Đ, huyện C Đ, tỉnh L A. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: 12 N T H, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2021).

Bị đơn: Ông Lê Minh T1 và những người thừa kế tố tụng của bà Cao Thị D1 (Paul D1 T)(chết năm 2017):

1/ Ông Lê Minh T1, sinh năm 1954

Địa chỉ: 54 H H T, phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Châu Minh T10, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: 21 đường 11, phường B T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2021). (có mặt)

2/ Ông Lê Minh T2, sinh năm 1956

3/ Ông Lê Minh T3, sinh năm 1957

4/ Bà Lê Thị Minh T4, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: 8802 S V DR H T 77036 USA. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Những người kế thừa tố tụng của ông Cao Hải T5 (chết năm 2013):

1.1/ Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1949;

1.2/ Bà Cao Ngọc M (Tseo M Ngoc), sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: 503 F S H, T 77084 USA.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Linh và bà Mỹ:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: Thôn 1a, E W, E H'l, Đ L (có mặt)

- Ông Võ Minh T, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: Ấp R C, xã L H Đ, huyện C Đ, tỉnh L A. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: 12 N T H, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 09/03/2016, hợp pháp hóa lãnh sự ngày 15/3/2016 và văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021)

2/ Ông Cao Minh T6, sinh năm 1946

Địa chỉ: 13606 C – CT H, T 77083 USA.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: Thôn 1a, E W, E H'l, Đ L (có mặt)

- Ông Võ Minh T, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: Ấp R C, xã L H , huyện C Đ, tỉnh L A. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: 12 N T H, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2015 và văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021).

3/ Ông Nguyễn Phi K, sinh năm 1980

4/ Bà Cao Thị Thùy P, sinh năm 1980;

5/ Ông Nguyễn Phi K1, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

6/ Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1993;

7/ Bà Trần Thị T7, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: 54 H H T , Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (xin

vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/01/2003, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/5/2008 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Cao Thị Mỹ D và đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Cụ Trần Thị T9 (chết năm 1993) và cụ Cao Văn Q (chết năm 2003) là chủ sở hữu nhà đất tọa lạc tại 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt: nhà 54). Hai cụ có 05 người con là: Bà Cao Thị Mỹ D, bà Cao Thị D2 (chết 18/06/2017, chồng là Lê Minh Đ, chết năm 1967, có 04 người con gồm: Lê Minh T2, Lê Minh T3, Lê Thị Minh T4 và Lê Minh T1), ông Cao Minh T6, ông Cao Hải T5 (chết năm 2013 có vợ là Phạm Thị Mỹ L và 01 người con duy nhất là Cao Ngọc M), ông Cao Huệ T8 (chết 12/1995 chưa lập gia đình, không có con, không để lại di chúc).

Cụ T9 không để lại di chúc. Cụ Q có để lại các bản di chúc sau:

- Tờ di chúc lập ngày 07/08/1992 tại Phòng Công chứng Nhà nước số 1, chứng nhận số 20004 ngày 07/08/1992

- Tờ di chúc lập ngày 05/03/1994 tại Phòng Công chứng Nhà nước số 1, chứng nhận số 12735 ngày 05/03/1994, quyển số 3.

- Tờ di chúc lập ngày 11/09/1995 tại Phòng Công chứng Nhà nước số 1, chứng nhận số 84381 ngày 11/09/1995, quyển số 17.

- Tờ di chúc lập ngày 15/08/1997 tại Phòng Công chứng Nhà nước số 1, chứng nhận số 58476 ngày 15/08/1997

Theo nội dung tờ Di chúc lập ngày 15/08/1997 tại Phòng công chứng Nhà nước số 1, chứng nhận số 58476 ngày 15/08/1997, quyển số 2 thì cụ Cao Văn Q để lại cho bà Cao Thị Mỹ D được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ Q.

Nhà 54 hiện nay do bà Cao Thị Mỹ D quản lý, sử dụng. Một phần diện tích căn nhà này đã bị giải tỏa, theo Thông báo só 584 ngày 06/07/2004 của Ủy ban nhân dân quận B T và tiền bồi thường giải tỏa đang gửi tại ngân hàng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với khối di sản là nhà 54 có giá trị theo Chứng thư giám định giá số 230908/201/CT-SGL ngày 30/03/2021 là 63.575.000.000 đồng và tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (tính cả lãi đến ngày 14/5/2021) là 1.410.558.579 đồng. Tổng cộng là 64.985.558.579 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu được hưởng: một suất thừa kế chia theo pháp luật từ di sản của cụ T9 và phần di sản của cụ Cao Văn Q theo di chúc (gồm: ½ khối di sản, một suất thừa kế của cụ Q đối với di sản của cụ T9 và suất thừa kế của Cao Huệ T8 đối với di sản của cụ T9)

Nguyên đơn có nguyện vọng được nhận tài sản nhà đất và hoàn trả giá trị di sản bằng tiền cho các đồng thừa kế, theo giá trị di sản tại Chứng thư Thẩm định, cùng với vốn và lãi của số tiền được bồi thường giải tỏa. Lý do nguyên đơn đã chi trả tiền quản lý, sữa chữa một phần nhà cho ông T1 và đã quản lý sử dụng nhà đất này ổn định từ trước đến nay

Yêu cầu Tòa án chấp nhận cho nguyên đơn được quyền quản lý phần thừa kế của ông Cao Minh T6, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Cao Ngọc M, bà Cao Thị Mỹ D chịu trách nhiệm giao lại cho ông Cao Minh T6, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Cao Ngọc M khi có yêu cầu.

Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu nhà 54 cho bà Cao Thị Mỹ D khi bà D hoàn tất nghĩa vụ than toán phần tiền thừa kế cho ông Lê Minh T1, ông Lê Minh T3, ông Lê Minh T2 và bà Lê Thị Minh T4. Bà Cao Thị Mỹ D được quyền liên hệ tất cả các cơ quan, chức năng để làm thủ tục đăng bộ sang tên nhà đất nêu trên.

Trước đây, ông Lê Minh T1 có yêu cầu Tòa án buộc bà Cao Thị Mỹ D phải đền bù, hỗ trợ thêm phần chi phí sữa chữa và quản lý nhà đất nêu trên. Nhưng nay bà Dung và ông T1 đã thống nhất giải quyết xong những vấn đề này. Ông Lê Minh T1 đã nhận đủ số tiền đền bù và đã bàn giao phần diện tích gian nhà phụ lại cho bà Cao Thị Mỹ D quản lý từ ngày 27/03/2021. Việc này hai bên đã tự giải quyết xog và không yêu cầu Tòa án xét lại.

Trước đây nguyên đơn có cho một số người thuê trọ tại nhà đất nhưng những người thuê đã thanh lý hợp đồng thuê, trả nhà và dọn đi nơi khác,… Hiện nay nguyên đơn chỉ còn cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 và bà Trần Thị T7, sinh năm 1999 thuê 1 phần nhà phía trước để kinh doanh, buôn bán.

Bị đơn ông Lê Minh T1 có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Châu Minh T10 trình bày:

Di sản của cụ Cao Văn Q và cụ Trần Thị T9 và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn đã trình bày.

Cụ Trần Thị T9 không để lại di chúc, cụ Cao Văn Q có để lại di chúc cuối cùng ngày 18/05/1997 với nội dung cho bà Cao Thị Mỹ D được thừa hưởng toàn bộ di sản, như nguyên đơn đã trình bày.

Năm 2017, bà Cao Thị D1 chết không để lại di chúc, chồng là ông Lê Minh Đ chết năm 1967, các con gồm ông Lê Minh T1, ông Lê Minh T2, ông Lê Minh T3, bà Lê Thị Minh T4 được hưởng kỷ phần thừa kế của mẹ để lại.

Trước đây, ông Thuận có yêu cầu bà Cao Thị Mỹ D phải đền bù, hỗ trợ phần chi phí sữa chữa và quản lý nhà đất cho ông Thuận nhưng việc này giữa ông Thuận và bà Cao Thị Mỹ D đã tự thỏa thuận giải quyết xong. Ông Thuận đã nhận đủ số tiền và đã bàn giao lại phần diện tích mà ông T1 từng quản lý cho bà Cao Thị Mỹ D kể từ ngày 27/03/2021.

Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 230908/2021/CT-SGL ngày 30/03/2021 thì kết quả thẩm định nhà đất tại 54 H H T, phường 7, quận B T,

Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 63.575.000.000 đồng, ông Thuận đồng ý với giá thẩm định này để giải quyết.

Nay bị đơn đề nghị tòa án:

- Chia di sản của cụ Cao Văn Q và cụ Trần Thị T9 là nhà số 54 với giá thẩm định 63.575.000.000 đồng và số tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng cùng với lãi suất tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh B T.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất đối với phần di sản cụ Trần Thị T9 (chết 1993) để lại cho 06 người gồm: Cao Văn Q, Cao Hải T5. Cao Minh T6, Cao Huệ T8, Cao Thị Mỹ D và Cao Thị D1.

- Yêu cầu Tòa án cho ông Lê Minh T1 được hưởng phần thừa kế của bà Cao Thị D1 được nhận di sản của bà Trần Thị T9.

- Yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ông Lê Minh T1 được quyền quản lý số tiền thừa kế của ông Lê Minh T2, ông Lê Minh T3 và bà Lê Thị Minh T4. Ông T1 sẽ chịu trách nhiệm giao lại phần tiền thừa kế cho ông T2, T3, bà T4 khi có yêu cầu.

- Đồng ý với yêu cầu của bà Cao Thị Mỹ D về việc ưu tiên quản lý, trọn quyền sở hữu và sử dụng nhà đất tại địa chỉ 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh khi bà Cao Thị Mỹ D thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán lại phần tiền thừa kế cho các ông Lê Minh T1, ông Lê Minh T2, ông Lê Minh T3 và bà Lê Thị Minh T4.

- Đối với yêu cầu của ông Lê Minh T1 buộc bà Cao Thị Mỹ D phải đền bù chi phí sữa chữa, di dời nhà đất tại địa chỉ 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do hai bên đã thỏa thuận và giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh T6, bà Phạm Thị Mỹ L và bà Cao Ngọc M (Tseo M Ngoc) có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn S và ông Võ Minh T trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Theo bản tự khai ngày 25/3/2021 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị T7 trình bày:

Ông D2 là người thuê một phần mặt bằng nhà 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần thuê nằm ở phía bên hông căn nhà có diện tích 4m x 12m, thời hạn thuê từ ngày 28/02/2021 đến ngày 28/02/2022. Giá thuê cố định là 20 triệu đồng 1 tháng và đặt cọc 3 tháng là 60 triệu đồng, thanh toán tiền cọc và tiền thuê hàng tháng trực tiếp cho bà Cao Thị Mỹ D.

Đối với tranh chấp thừa kế của bà D, ông D2 không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

Riêng về hợp đồng giữa ông D2 và bà D thì cả hai đã thỏa thuận cụ thể trong trường hợp đồng và thời hạn chấm dứt hợp đồng nên ông D2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì cho ông trong vụ án này.

Hiện nay, ông D2 và vợ đang ở tại phần nhà thuê. Do hằng ngày, ông D2 và vợ ông phải cùng nhau buôn bán nên hai người làm đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai ngày 26/03/2021 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phi K, ông Nguyễn Phi K1, bà Cao Thị Thùy P trình bày:

Cả ba người chỉ cư trú tại nhà 54, đều không có ý kiến gì về tranh chấp thừa kế. Mọi việc do bà Cao Thị Mỹ D toàn quyền quyết định.

Tại phiên tòa, các đương sự thông nhất xác định: Không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản chi phí sữa chữa, quản lý của ông Lê Minh T1 do hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong. Không yêu cầu đối với khoản tiền cho thuê nhà 54.

Đại diện Viện kiểm sát nhận xét và phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội Đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất với nhau xác định phần di sản, về người thừa kế, về di chúc của cụ Q để lại di sản cho bà Cao Thị Mỹ D. Đề nghị chấp nhận chia di sản của cụ T9 theo quy định của pháp luật, công nhận di chúc năm 1997 của cụ Q. Giao cho nguyên đơn bà Cao Thị Mỹ D nhận hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Hồ sơ gốc số: 2067/99) do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/1999, căn cứ lời khai các đương sự phù hợp với tài liệu chứng cứ tại vụ án, có cơ sở xác định nhà đất tại số 54 H H T, Phường 7, quận B T, thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cụ Trần Thị T9 (chết năm 1993) và cụ Cao Văn Q (chết năm 2003).

Năm 2014, nhà đất này bị giải tỏa một phần, số tiền bồi thường giải tỏa đã được gửi vào sổ tiết kiệm tại ngân hàng, đây cũng là phần di sản của cụ Trần Thị T9 và cụ Cao Văn Q.

Xác định giá trị di sản của cụ Trần Thị T9 và cụ Cao Văn Q là nhà đất tại số 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh là 63.575.000.000 đồng và tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (tính cả lãi đến ngày 14/5/2021) là 1.410.558.579 đồng. Tổng cộng: 64.985.558579 đồng.

[2] Cụ T9 và cụ Q có 05 người con chung là: Bà Cao Thị Mỹ D, bà Cao Thị D1 (chết 18/06/2017, chồng là Lê Minh Đ, chết năm 1967, có 04 người con là: Lê Minh T2, Lê Minh T3, Lê Thị Minh T4 và Lê Minh T1), ông Cao Minh T6, ông Cao Hải T5 (chết năm 2013, có vợ là Phạm Thị Mỹ L và 01 con là Cao Ngọc M), ông Cao Huệ T8 (chết năm 1995, độc thân, không có con). Cha, mẹ của cụ T9 và cụ Q đã chết trước hai cụ và hai cụ không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng.

[3] Cụ Trần Thị T9 không để lại di chúc. Xác định di sản của cụ T9 là ½ nhà đất và chia đều cho những người thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Thị T9 gồm 06 người là: cụ Cao Văn Q, bà Cao Thị Mỹ D, bà Cao Thị D1, ông Cao Minh T6, ông Cao Hải T5 và ông Cao Huệ T8.

Bà Cao Thị D1 chết 18/06/2017, suất thừa kế của bà Cao Thị D1 do nhứng người thừa kế của bà là (là: Lê Minh T1, Lê Minh T2, Lê Minh T3, Lê Thị Minh T4) được nhận.

Ông Cao Hải T5 chết năm 2013, suất thừa kế của Cao Hải T5 do những người thừa kế của ông (có vợ là Phạm Thị Mỹ L và 01 con là Cao Ngọc M) được nhận.

Ông Cao Huệ T8 chết năm 1995, lúc chết độc thân và không có con. Thời điểm ông T6 chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông T6 chỉ còn duy nhất là cụ Cao Văn Q được nhận suất thừa kế của Cao Huệ T8.

[4] Cụ Cao Văn Q để lại 03 bản di chúc. Công nhận di chúc cuối cùng lập ngày 15/08/1997 (chứng nhận số 58476 ngày 15/08/1997, quyển số 12) tại Phòng Công chứng Nhà nước số 1 TP. Hồ Chí Minh, là di chúc hợp pháp và có hiệu lực. Nội dung di chúc cụ Cao Văn Q để cho bà Cao Thị Mỹ D là người duy nhất được toàn quyền thừa hưởng tài sản của cụ Q.

Di sản của cụ Cao Văn Q bao gồm: ½ khối tài sản chung, suất thừa kế của cụ Q hưởng từ di sản cụ T9 và suất thừa kế của Cao Huệ T8 từ di sản cụ T9. Phần di sản này của cụ Q do bà Cao Thị Mỹ D thụ hưởng theo di chúc. Như vậy, phần nguyên đơn được hưởng gồm toàn bộ di sản của cụ Q và suất thừa kế của nguyên đơn từ di sản của cụ T9.

[5] Xét phần lớn di sản do nguyên đơn được hưởng, các đương sự ở Việt Nam thống nhất ý chí giao nguyên đơn hiện vật, do đó giao cho nguyên đơn nhận hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế. Trường hợp nguyên đơn không thực hiện việc thanh toán thì di sản được bán đấu giá để chia. Đồng thời, các đương sự có mặt tại phiên tòa cũng thống nhất giao cho nguyên đơn nhận phần di sản là số tiền bồi thường giải tỏa đang gửi tại ngân hàng để phân chia cho các đồng thừa kế, xét ý chí của các đương sự là tự nguyên và cũng phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về công sức quản lý, tôn tạo di sản: Các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Đối với yêu cầu về khoản đền bù công sức sữa chữa nhà giữa ông T1 với bà Cao Thị Mỹ D, xét hai bên đã tự giải quyết xog và nay cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết lại nên không xét. Đối với khoản tiền thu từ việc cho thuê nhà, các đương sự cũng thống nhất không yêu cầu nên không xét.

[7] Đối với những người đang có hợp đồng thuê nhà, do họ không tranh chấp về quyền sở hữu nhà và cũng không ai yêu cầu giải quyết về hợp đồng thuê nên không xét giải quyết tại vụ án này, trường hợp xảy ra đấu giá nhà đất để thi hành án mà có liên quan đến hợp đồng thuê thì họ có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp về quan hệ hợp đồng bằng một vụ kiện khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí, căn cứ Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xét miễn án phí sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 37, 74, 228, 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 623, 630, 651, 659, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Xác định nhà đất tại số 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung vợ chồng và là di sản của cụ Trần Thị T9 (chết năm 1993) và cụ Cao Văn Q (chết năm 2003)

2/ Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Thị T9 gồm 06 người là: Cụ Cao Văn Q, bà Cao Thị Mỹ D, Bà Cao Thị D1, ông Cao Minh T6, ông Cao Hải T5 và ông Cao Huệ T8

Xác định người thừa kế của ông Cao Huệ T8 (chết năm 1995) là cụ Cao Văn Q.

3/ Công nhận di chúc lập ngày 15/08/1997 (Chứng nhận số 58476 ngày 15/08/1997, quyển số 2) tại Phòng Công chứng Nhà nước của cụ Cao Văn Q là di chúc hợp pháp và có hiệu lực

4/ Giá trị di sản nhà đất tại số 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh là 63.575.000.000 đồng và tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (tính cả lãi đến ngày 14/5/2021) là 1.410.558.579 đồng. Tổng cộng: 64.985.558.579 đồng, được chia như sau:

- Bà Cao Thị Mỹ D: 48.739.168.931 đồng (tương đương 75%)

- Ông Cao Minh T6: 5.415.463.214 đồng. (tương đương 8.33333%)

- Người thừa kế của bà Cao Thị D1 (ông Lê Minh T1, Lê Minh T2, Lê Minh T3, Lê Thị Minh T4): 5.415.463.214 đồng (tương đương 8.33333%)

5/ Giao cho bà Cao Thị Mỹ D nhận di sản bằng hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế bằng giá trị theo số tiền nêu trên.

Sau khi thanh toán xong, bà Cao Thị Mỹ D được quyền liên hệ các cơ quan thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tại số 54 H H T, Phường 7, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp người có quyền có yêu cầu mà bà Cao Thị Mỹ D không thực hiện thanh toán thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá tài sản là di sản của cụ Trần Thị T9 và cụ Cao Văn Q để thi hành án. Sau khi trừ các chi phí về đấu giá theo quy định, còn lại chia cho các đương sự hưởng theo tỉ lệ tương đương (nêu trên). Buộc những người cư trú tại nhà vào thời điểm thi hành bản án.

Giao cho bà Cao Thị Mỹ D nhận số tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng là 1.410.558.579 đồng (lãi đến ngày 14/5/2021), cùng khoản lãi phát sinh, tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Argibank) – Chi nhánh B T, để thực hiện việc thanh toán chia di sản như nêu trên. Số tiền lãi phát sinh (nếu có) được tiếp tục chia cho các thửa kế theo tỷ lệ tương ứng (nêu trên).

6/ Giao cho bà Cao Thị Mỹ D tạm quản lý suất thừa kế của ông Cao Minh T6 và của ông Cao Hải T5 (người thừa kế là bà Phạm Thị Mỹ L và Cao Ngọc M); Giao cho ông Lê Minh T1 nhận, quản lý suất thừa kế của bà Cao Thị D1 (người thừa kế của ông Lê Minh T1, Lê Minh T2, Lê Minh T3, Lê Thị Minh T4). Bà Cao Thị Mỹ D, ông Lê Minh T1 phải giao lại cho những người thừa kế phần của họ khi có yêu cầu.

Việc phân chia suất thừa kế của ông Cao Hải T5 và của bà Cao Thị D1 do những đồng thừa kế của những người này tự thỏa thuận hoặc giải quyết theo quy định pháp luật

7/ Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Nguyên đơn tự phải chịu các chi phí tố tụng. Miễn án phí sơ thẩm cho các đương sự; Trả lại tiền tạm ứng cho bà Cao Thị Mỹ D là 11.297.500 đồng (Biên lai số 001291, quyển số 000026, ký hiệu AC/99 ngày 24/02/2003 của Phòng Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên tính từ ngày được tống đạt bản án. Đương sự ở nước ngoài không có đại diện và vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Thành phố Thủ Đức;
- THADS Thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Phạm Hồng Giảng